TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **107** /2024/HNGĐ - PT
Ngày: 10/7/2024
V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Hạnh
Các thẩm phán: Ông Hoàng Chí Nguyện.
Ông Phan Quyết Thắng.
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thúy Hương, Thư ký viên chính.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngoan, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 71/TLPT-HN&GĐ ngày 29/5/2024 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

Do Bản án số 136/2024/HNGĐ – ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện B V, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 150/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn** (không kháng cáo): **Anh N B L**, sinh năm 1991; Đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Xóm V D, thôn C Q, xã C M, huyện B V, thành phố Hà Nội. *Có mặt*

- **Bị đơn** (có kháng cáo): **Chị N T D**, sinh năm 1995

Đăng ký nhân khẩu thường trú: Xóm V D, thôn C Q, xã C M, huyện B V, thành phố Hà Nội.

Hiện trú tại: Khu 9, xã H X, huyện T T, tỉnh P T. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn là anh N B Ltrình bày**:*

Về tình cảm: Anh N B Lvà chị N T D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/10/2014 tại UBND xã H X, huyện T T, tỉnh P T. Sau kết hôn, anh chị về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh L. Vợ chồng sống hạnh phúc được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Anh L và chị D đã sống ly thân

và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 02/2024 cho đến nay. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị D không còn, anh đề nghị Tòa án huyện B V giải quyết cho anh được ly hôn chị D để giải phóng cho anh L.

Về con chung: anh chị có 02 con chung cháu N P A, sinh ngày 27/11/2015 và cháu N B M H, sinh ngày 30/7/2017. Hiện nay cháu P A và cháu H đang ở với chị D. Giải quyết ly hôn, anh L có yêu cầu được nuôi cháu H và giao cháu P A cho chị D nuôi dưỡng. Anh L không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nhà ở chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh L tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài các yêu cầu trên anh L không yêu cầu vấn đề nào khác.

**** Tại bản tự khai ngày 27/02/2024, bị đơn chị N T D trình bày:***

Anh N B Lvà chị N T D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/10/2014 tại UBND xã H X, huyện T T, tỉnh P T. Sau kết hôn, anh chị về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh L tại Xóm V D, thôn C Q, xã C M, huyện B V, thành phố Hà Nội. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ cuối năm 2023, vợ chồng thường xuyên xô xát không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh L không còn, chị D đề nghị Tòa án huyện B V giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung cháu N P A, sinh ngày 27/11/2015 và cháu N B M H, sinh ngày 30/7/2017. Hiện nay cháu P A và cháu H đang ở với chị D. Giải quyết ly hôn, chị D có yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Bá H; giao cháu P A cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nhà ở chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị D tự nguyện 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài các yêu cầu trên anh L, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại Bản tự khai ngày 27/3/2024, cháu P A có nguyện vọng được ở với mẹ là chị D để mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại Bản án số 136/2024/HNGĐ – ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện B V, thành phố Hà Nội, đã quyết định:

<u>Xử:</u>

1. Công nhận thuận tình ly hôn cho anh N B Lvà chị N T D.

2. **Về con chung**: Giao cho chị N T D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N P A, sinh ngày 27/11/2015 cho đến khi cháu tròn, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Giao cho anh N B Lđược trực tiếp nuôi dưỡng cháu N B M H, sinh

ngày 30/7/2017 đến khi cháu tròn, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L, chị D cho đến khi anh L, chị D có yêu cầu hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Anh L, chị D được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản riêng: không có.

4. Về tài sản chung, công sức chung: Chưa giải quyết

5. Công nợ chung: Chưa giải quyết.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/5/2024, bị đơn là chị N T D nộp Đơn kháng cáo kháng cáo một phần Bản án số 136/2024/HNGĐ – ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện B V, thành phố Hà Nội đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm có nội D quyết định về con chung để giao cả hai con chung là cháu N P A, sinh ngày 27/11/2015 và cháu N B M H, sinh ngày 30/7/2017 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thỏa thuận hoặc quyết định khác thay thế. Ngày 08/5/2024, chị D nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Ngày 16/5/2024, chị D nộp đơn kháng cáo bổ sung đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử giao cháu N B M H cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị đơn chị N T D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày như sau:

Anh L là người nghiện ngập, không có công ăn việc làm ổn định. Anh L từng có tiền án, tiền sự về hành vi mua bán trái phép chất ma túy... Năm 2022, anh L bị Tòa án nhân dân huyện B V xử phạt 02 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Con trai của anh chị là cháu N B M H, sinh ngày 30/7/2017 đang học tại Trường tiểu học Tây Đằng B, bị anh L bắt về một cách bất thường, không cho cháu đi học từ ngày 09/5/2024 cho đến nay. Chị D yêu cầu có biện pháp buộc anh L phải cho cháu H đến trường. Chị D đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm có nội D quyết định về con chung để giao cả hai con chung là cháu N P A, sinh ngày 27/11/2015 và cháu N B M H, sinh ngày 30/7/2017 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thỏa thuận hoặc quyết định khác thay thế. Chị D không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung: Anh L và chị D không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Nguyên đơn anh N B Ltrình bày như sau:**

Trong thời gian anh L đi cải tạo thì chị D là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các con anh. Sau khi trở về thì anh L luôn mong muốn được nuôi dưỡng một trong hai con để làm động lực giúp anh vượt lên những mặc cảm và làm

việc để nuôi dạy con cái. Anh L có đến trường đón con về nhà và sau đó cháu H bị ốm nên không thể đi học được. Sau khi cháu khỏe lại thì anh L đã cho cháu đi học bình thường.

Về tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung: Anh L và chị D không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh L đề nghị Tòa án giữ nguyên quyết định của Bản án số 136/2024/ HNGĐ – ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện B V, thành phố Hà Nội và y án sơ thẩm.

Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng*:* Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xủ phúc thẩm. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội D: Sau khi phân tích nội D vụ án, ý kiến của các bên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có ý kiến như sau: Chị N T D kháng cáo về vấn đề con chung, các vấn đề khác không kháng cáo nên không xem xét. Về con chung: Anh chị có con chung là cháu N P A, sinh ngày 27/11/2015, giới tính nữ và cháu N B M H, sinh ngày 30/7/2017, giới tính nam.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn chị N T D; Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Giữ nguyên Bản án số 136/2024/HNGĐ – ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện B V, thành phố Hà Nội. Án phí quyết định theo quy định.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] ***Về tố tụng***:

Ngày 23/4/2024*,* Tòa án nhân dân huyện B V xét xử sơ thẩm và tuyên án. Không đồng ý với Bản án số 136/2024/HNGĐ – ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện B V, thành phố Hà Nội, ngày 03/5/2024, bị đơn chị N T D nộp Đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm. Ngày 08/5/2024, chị D nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Đơn kháng cáo và tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm được chị D nộp trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 BLTTDS. Như vậy, kháng cáo của bị đơn chị N T D là hợp lệ về hình thức.

[2] ***Về nội D:*** Xét nội D kháng cáo của chị D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét nội D đơn kháng cáo của chị D về yêu cầu được nuôi con chung, nhận thấy:

Về con chung: Anh L và chị D có 02 con chung là cháu N P A, sinh ngày 27/11/2015, giới tính nữ và cháu N B M H, sinh ngày 30/7/2017, giới tính nam. Các cháu đều còn nhỏ, rất cần sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương của cả cha và mẹ. Chị D và anh L đều rất yêu con và mong muốn được trực tiếp chăm sóc cháu N B M H và đề nghị bên kia chăm sóc cháu P A. Tuy nhiên cháu P A là con gái lại đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc yêu thương của người mẹ. Cháu H là con trai cần sự chăm sóc của người bố. Anh L tuy đã có thời gian cải tạo nhưng sau khi trở về đã có công ăn việc làm ổn định và mong muốn được nuôi con nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N B M H là có căn cứ chấp nhận.

Bản thân chị D trình bày: Anh L là người nghiện ngập, không có công ăn việc làm ổn định. Anh L từng có tiền án, tiền sự về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Năm 2022, anh L bị tòa án nhân dân huyện B V xử phạt 02 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Nhưng tại cấp sơ thẩm, chị D lại đề nghị Tòa án giao cho anh L nuôi dưỡng cháu P A là con gái của mình và chỉ có nguyện vọng nuôi cháu M H. Như vậy, có thể thấy chị D đã có mâu thuẫn trong cách nghĩ và hành động của mình trong việc tranh chấp nuôi con. Do đó, yêu cầu kháng cáo của chị D được nuôi dưỡng cả 02 con chung là không có căn cứ chấp nhận.

Về điều kiện nhà ở và kinh tế: Anh L có việc làm, có thu nhập ổn định và có nơi ở ổn định cùng với bố mẹ đẻ tại: Xóm V D, thôn C Q, xã C M, huyện B V, thành phố Hà Nội. Anh L có thu nhập 15.000.000 đồng/ tháng, đủ điều kiện về nhà ở và kinh tế để nuôi con. Chị D có thu nhập ổn định và cũng đang ở cùng bố mẹ đẻ tại: Khu 9, xã H X, huyện T T, tỉnh P T, đủ điều kiện về nhà ở và kinh tế để nuôi con.

Xét việc quan tâm, chăm nom, chăm sóc, giáo dục con cái thành công dân tốt là trách nhiệm chung của cha mẹ. Hội đồng xét xử giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu. Các cháu còn nhỏ, cháu P A là con gái lại trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặc dù chị D có nguyện vọng được nuôi cháu H (giới tính nam): 6 tuổi, 11 tháng, 10 ngày nhưng cháu H là con trai nên cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc của người bố. Anh L tuy có thời gian cải tạo ngoài xã hội nhưng đã trở về đi làm có cuộc sống và việc làm ổn định. Không thể vì việc anh L từng đi cải tạo mà truất quyền nuôi con của anh L, qua đó cũng cho anh động lực để làm việc nuôi con. Trong quá trình anh L nuôi con nếu không đảm bảo thì chị D có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L và chị D đều không có yêu cầu nên không xem xét.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy yêu cầu kháng cáo của chị D không có căn cứ pháp luật để chấp nhận. Do đó, không chấp nhận yêu cầu

kháng cáo của bị đơn chị N T D, y án sơ thẩm.

Về cách tuyên án chưa phù hợp nên cần sửa cách tuyên án về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung.

[3].Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị D không được chấp nhận nên chị D phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 55; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 26; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận đơn kháng cáo của chị N T D; Giữ nguyên các quyết định của Bản án số 136/2024/HNGĐ – ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện B V, thành phố Hà Nội. Cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Bá Lưu và chị N T D.

2. Về con chung: Anh N B Lvà chị N T D có 02 con chung là cháu N P A, (giới tính nữ) sinh ngày 27/11/2015 và cháu N B M H, (giới tính nam) sinh ngày 30/7/2017. Nay ly hôn, giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N P A; Giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N B M H cho đến khi các con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay thế.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L và chị D cho đến khi chị D và anh L có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay thế.

Anh L và chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung: Anh L, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

4.1 Về án phí sơ thẩm:

- Anh L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm anh L đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013960 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B V, thành phố Hà Nội. (Ghi nhận anh L đã nộp đủ án phí).

4.2 Về án phí phúc thẩm:

- Chị N T D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm chị D đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014127 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B V, thành phố Hà Nội. (Ghi nhận chị D đã nộp đủ án phí).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện B V;
- Chi cục THADS huyện B V;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Hạnh